

## CHUNG MỘT BÓNG CỜ\*

TRẦN BẠCH ĐĂNG

I. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết một trong những nhân tố quyết định sự nghiệp dựng nước, giữ nước và phát triển nước của nhân dân Việt Nam là *Đoàn kết, Đoàn kết, Đại Đoàn kết - Thành công, Thành công, Đại Thành công*. Nhân tố ấy không chỉ có giá trị đối với các cuộc cách mạng quần chúng vào thời hiện đại mà còn từng là sức mạnh bên trong của dân tộc Việt Nam suốt lịch sử từ khi lập quốc trước thách thức tồn vong. Tổng kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thoát nhìn khó thấy điều thâm thúy song nó chính là một di sản truyền thống của người Việt Nam mà nếu thiếu nó, dân tộc, quốc gia lãnh thổ Việt Nam không thể đạt được mức tồn tại và phát triển như chúng ta đang có...

Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người Việt Nam thiết tha yêu nước, đồng thời là người cộng sản, đã vận dụng lý luận cách mạng hiện đại bám chặt bản sắc dân tộc, cho rằng ở một nước thuộc địa muốn đánh đổ ách thống trị ngoại bang thì phải mở rộng biên độ khái niệm quần chúng đến tất cả những ai vẫn còn thừa nhận mình là con dân nước Việt Nam. Đây là sáng tạo lớn, nắm được cái hồn của quan điểm đấu tranh giai cấp và hóa giải khôn ngoan những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định phục vụ tập trung cao nhất cho quyền lợi toàn cục, bởi vì mục

tiêu của cách mạng đồng thời phải là mục tiêu của nhân dân lao động, các mục tiêu ấy thống nhất với đòi hỏi của dân tộc và của tinh thần.

Đành rằng mọi cuộc tập hợp đều phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị với khẩu hiệu chính trị thích hợp, song một vấn đề khác quan trọng tương đương là phải *biến nhiệm vụ và khẩu hiệu chính trị thành hành động quần chúng rộng rãi trong cả nước*.

Cho nên, "*Đoàn kết, Đoàn kết, Đại Đoàn kết*" chính là tư duy triết học của Hồ Chí Minh, khái quát hóa một trong những quy luật của cách mạng các nước, đặc biệt những nước mà ý thức thống nhất dân tộc đã gắn bó dài lâu người cùng máu mủ đồng bào với nhau. Tư duy ấy khác một số nhà tư tưởng đương thời khi họ có quan điểm cực đoan về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, tách biệt hoặc đối lập một cách siêu hình các tầng lớp xã hội cơ bản với các tầng lớp xã hội khác, khiến quá trình cách mạng vừa chậm vừa vấp những khó khăn không đáng có. Tư duy Hồ Chí Minh cố tìm mẫu số chung của toàn dân tộc thay vì khoét sâu sự cách biệt, đặt tiến trình xoáy tròn ốc đi lên của lịch sử trên căn bản quy tụ thay vì loại trừ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Sử ta dạy ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn".

Từ khi đảm đương trọng trách lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi việc hình thành mặt trận dân tộc thống nhất là vấn đề chiến lược. Tùy theo tình hình thực tế từng lúc, tùy theo yêu cầu và nhiệm vụ chính trị từng lúc, Đảng đề ra khẩu hiệu hành động, tức khẩu hiệu tập hợp lực lượng. Phong trào

\* *Lược đăng bài viết của nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng (nguyên Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hội liên hiệp thanh niên giải phóng miền Nam Việt Nam), trong tác phẩm Chung một bóng cờ (về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam), NXB CTQG, H, 1993, tr.849-871*

Đông Dương đại hội là đỉnh cao của công cuộc tập hợp, tất nhiên, xoay quanh khẩu hiệu dân chủ và ngăn chặn chủ nghĩa phát-xít; yêu sách dân tộc không thể lộ diện đầy đủ trong tinh thể như vậy. Và, bất kể mạnh mẽ đến đâu, phong trào Đông Dương đại hội vẫn không thể huy động tuyệt đại đa số người Việt Nam đứng lên giành lại nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh tích lũy kinh nghiệm thực tế, đã đạt một bước phát triển nhảy vọt: *Đưa Đảng Cộng sản trở nên chính đảng đại biểu của dân tộc mà không làm nhòa tính công nhân tiến phong*. Chính ý thức thời đại cho phép Đảng Cộng sản Việt Nam thành đạt trong vấn đề mấu chốt này cả trên bình diện lý luận lẫn thực tiễn, cả trong quá trình giành độc lập dân tộc lẫn thời kỳ xây dựng xã hội mới.

Đầu những năm 40, tiến đề giải phóng dân tộc thêm chín mười. Việt Nam Độc lập Đồng Minh (Việt Minh) ra đời đáp ứng đòi hỏi mới. Lực lượng dân tộc tập hợp trong Mặt trận Việt Minh là sức mạnh lớn lao đưa cuộc Cách mạng tháng Tám đến thành công, sáng lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tiến hành thuận lợi...

II. Sau Hiệp định Genève, nước Việt Nam tạm chia làm hai miền với hai chính thể khác nhau. Ở Nam vĩ tuyến 17, người Mỹ thay chân người Pháp, chế độ thực dân cũ biến dạng thành chế độ thực dân mới. Triển vọng thống nhất đất nước mở mịt trong khi chiến tranh không chấm dứt ở miền Nam mà còn có khả năng lan ra cả nước, với sự chuẩn bị "Bắc tiến" của Ngô Đình Diệm. Như thế, cả ba nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Nam đều bị phản bội: Độc lập, Thống nhất, Hòa bình. Cùng bị phản bội những nguyện vọng khác: Dân chủ, cải thiện đời sống.

Những năm từ cuối 1954 đến cuối 1958, cả miền Nam từ sông Bến Hải đến chót mũi Cà Mau sống trong cơn hãi hùng. Bộ máy thống trị chứa đủ các tính chất, ở mức tối tệ: độc tài, phát-xít, gia đình trị, trả thù, chia rẽ dân tộc, tôn giáo và địa phương, lệ thuộc nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa, lấy khủng bố tàn bạo làm quốc sách. Các xung đột vũ trang giữa quân đội Diệm và các giáo phái thân Pháp hoặc không ần

cánh với Diệm, các chiến dịch tố cộng, các cuộc hành quân, các chủ trương cướp lại ruộng đất của nông dân, phân biệt đối xử đối với tư sản, trí thức, công chức từng hợp tác với Pháp, đối với người Hoa, người Khmer các cuộc thảm sát những người có công trong kháng chiến chống Pháp, v.v. trùm không khí căng thẳng lên khắp miền Nam, thành thị và thôn quê, đồng bằng và rừng núi, không trừ nơi nào cả.

Cách mạng ở vào thế thoái trào do lực lượng lãnh đạo bị tổn thất nghiêm trọng, nhất là do chưa tìm ra được phương thức hiệu quả đối phó với địch. Khẩu hiệu đấu tranh chưa chuyển kịp trước tinh thế thay đổi cơ bản: Hiệp định Genève không còn khả năng thực hiện. Mặc dù đã có tài liệu *Đề cương cách mạng miền Nam*<sup>1</sup> của đồng chí Lê Duẩn, song đó là quan điểm chung trong khi nhiều vấn đề thuộc tổ chức và hành động cụ thể lại chậm xác lập mà mấu chốt là bạo lực quần chúng cần được hiểu như thế nào cho chính xác.

... Đầu năm 1959, hình thái bạo động từng phần đã tương đối phổ biến ở các tỉnh Nam Bộ, khi chính chính quyền Ngô Đình Diệm áp dụng luật 10/59 và giết đồng chí Lê Hoàng Kha.

Trên cơ sở thực tế tình hình đó, để tránh sự manh động sẽ gây tổn thất khó lường cho cách mạng, Xứ ủy Nam Bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong hội nghị lần thứ 2 (do đồng chí Lê Duẩn chủ trì), lần thứ 3, 4 (do đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì) đề xuất với Trung ương Đảng đổi sách và đề xuất này được chấp thuận bằng nghị quyết Bộ Chính trị chống luật 10/59 và nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15.

Cuộc đồng khởi - tức cuộc khởi nghĩa đồng loạt ở nông thôn giành chính quyền cơ sở - nổ ra từ giữa 1959.

Lúc đầu, khởi nghĩa phổ biến ở hình thức trừ gian diệt ác phá kềm thậm chí đánh đồn lẻ tẻ trên một số vùng tương đối xa các căn cứ, trung tâm chính trị, quân sự quan trọng của địch như ở vùng núi Nam Trung Bộ và các nơi khác. Cuối 1959, khởi nghĩa tiến sâu vào các vùng đông dân xung yếu hơn, hình thức cũng nâng cao: quần chúng thị uy bằng nổi mỗ trống, bồng mịt tinh và tuần hành, võ trang không chỉ ban đêm mà cả ban ngày, giải tán hội đồng hương chính, chiếm hoặc bức rút đồn bốt lẻ tẻ, chặn đánh bọn tuần tiễu. Vào thời gian này, Trung Nam Bộ đánh linh tuấn

tiểu ở gò Quận Cung và Mãng Đa; Tây Nam Bộ đánh vào quần ly Đầm Dơi và đầu 1960, trận đánh lớn nhất cho đến lúc đó đã thành công - trận tấn công hậu cứ sư đoàn Sài Gòn đóng ở Tua Hai. Hội nghị Xứ ủy lần thứ 5, họp vào mùa mưa 1960, hoàn chỉnh thêm một bước quá trình chỉ đạo cuộc đồng khởi, sau khi tiếp nhận ý kiến của Trung ương. Suốt năm 1960, khởi nghĩa lan rộng hầu hết nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, quần chúng khởi nghĩa hình thành bộ máy chính quyền ở cơ sở và cấp huyện, thành lập lực lượng vũ trang tự vệ chống càn quét mà sôi nổi và đồng đều hơn cả là các tỉnh Kiến Tường, Kiến Phong, Bến Tre, Mỹ Tho, Long An thuộc Trung Nam Bộ.

Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định trong chỉ thị đối phó với luật 10/59 rằng "thời kỳ tam ổn định của chế độ miền Nam không còn nữa". Chính Ngô Đình Nhu cũng cảm thấy tình hình trở nên nguy hiểm; trả lời phỏng vấn của báo Figaro, ông ta nói: Chúng tôi đang ngồi trên ngọn núi lửa.

Đồng khởi Nam Bộ đã trực tiếp tác động đến nội bộ thế lực cầm quyền Sài Gòn; ngày 11-11-1960, một bộ phận quân đội Sài Gòn nổ súng đảo chánh. Cuộc đảo chánh không thành song nó báo hiệu chế độ Sài Gòn rơi vào cơn khủng hoảng chỉ có thể mỗi ngày mỗi nghiêm trọng hơn và đồng thời nó báo hiệu giai đoạn mới của cách mạng miền Nam thực sự bắt đầu.

Đến cuối năm 1960, nông thôn Nam Bộ, vùng rừng núi Trung Bộ đã thành vùng tự do do nhân dân tự quản. Vùng tự do Nam Bộ tạo được thế liên hoàn bao gồm nhiều xã, nhiều huyện chạy từ Đông Nam Bộ đến đồng bằng sông Cửu Long, áp sát Sài Gòn và các trục giao thông chiến lược, các thị xã, thị trấn. Thắng lợi to lớn của Đồng khởi cùng sự khủng hoảng gay gắt trong nội bộ địch đặt cho cách mạng một vấn đề cấp bách: cách mạng không thể không tiếp tục tiến công và tiến công mạnh hơn, "bài bản hơn". Từ trước, để tiến hành khởi nghĩa từng khu vực riêng lẻ, cách mạng dùng danh nghĩa khi thì Lực lượng vũ trang tự vệ, khi thì Liên minh các tôn giáo chống Diệm, khi thì tổ chức người kháng chiến cũ, v.v. Rõ ràng, như thế "danh chưa chánh". Hơn nữa, một khi cách mạng đã phát triển đến độ như cuối 1960, cần phải thay đổi và nâng cao mục tiêu đấu tranh, nhất thiết phải giải quyết cho kỳ được

yêu cầu cơ bản của cách mạng miền Nam là chấm dứt ách nô dịch của Mỹ và lật đổ bộ máy nguy quyền cấp Trung ương, tiến tới hoàn thành sự nghiệp Độc lập và Thống nhất mở ra từ Cách mạng tháng Tám 1945. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vai trò lãnh đạo xuyên suốt cách mạng, Ban chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị chịu trách nhiệm trước toàn dân tộc về sự phát triển của cách mạng ở cả hai miền, song vấn đề lãnh đạo và vấn đề tập hợp, huy động, chỉ huy phong trào vẫn thuộc hai lĩnh vực. Miền Bắc đã được giải phóng hoàn toàn, là hậu phương to lớn của cách mạng miền Nam song không thể thay thế cho nhân dân miền Nam về lực lượng cũng như về danh nghĩa. Và lại, tình hình mới đòi hỏi cách mạng miền Nam cấp bách có một tư cách hợp pháp để xử lý cả đối nội lẫn đối ngoại.

Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tuyên cáo thành lập, phản ánh thắng lợi của Đồng khởi, đồng thời đảm đương sứ mệnh thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Như tên gọi, Mặt trận giải phóng lấy tinh thần dân tộc làm cơ sở đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước, không phân biệt giai tầng, địa vị xã hội, quá khứ, sắc tộc, tin ngưỡng, tư tưởng... Nó kế thừa các mặt trận trước nó. Bối cảnh miền Nam thuận lợi cho Mặt trận: một vùng giải phóng đang hình thành trong đó có những căn cứ vững chắc, có lực lượng vũ trang - Quân Giải phóng - các tổ chức chính quyền tự quản, các đoàn thể quần chúng, trong đó có đoàn thể của công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, trí thức, văn hóa; của các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo; của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, Khmer, Chăm, Hoa... Đó là thực lực hàng đầu của Mặt trận.

Sự phân hóa và khủng hoảng trong nội bộ chính quyền Ngô Đình Diệm, mâu thuẫn dân tộc thêm sâu sắc giữa nhân dân đô thị - kể cả một số nhân viên dân sự và quân sự cấp cao, tầng lớp tư sản, trí thức, học sinh, sinh viên, nhà giáo, nhà tu hành... - với chủ nghĩa thực dân Mỹ đã cho phép Cương lĩnh của Mặt trận mở rộng ảnh hưởng, giành được sự ủng hộ, chỉ ít cũng tạo được thái độ "chờ xem".

Về bối cảnh rộng hơn, Mặt trận dựa vào hậu phương lớn miền Bắc, đồng thời được Nhà nước Campuchia cảm tình.

Hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa tán thành Mặt trận Dân tộc giải phóng. Một số nhà văn, nhà báo cộng sản và tiến bộ, trí thức ở nhiều nước, cả ở Mỹ đã bày tỏ thái độ đứng về phía Mặt trận.

Với sự xuất hiện của Mặt trận - mà Ủy ban Trung ương gồm các nhân vật tiêu biểu - khiến chính quyền Ngô Đình Diệm bị cô lập thêm. Mỹ bắt buộc phải tính đến những thay đổi tay sai với hy vọng hạn chế và đánh bại cách mạng miền Nam - bây giờ đã nghiêm nhiên tập hợp trong một Mặt trận lớn mạnh, là một bên đối trọng của chính trường và chiến trường miền Nam.

Tháng 2-1962, Dinh Độc Lập bị ném bom. Trên chiến trường, trận Ấp Bắc đã cho thấy Quân Giải phóng trưởng thành như thế nào. Ở các thành thị, phong trào Phật giáo phát khởi đòi quyền bình đẳng tôn giáo, đồng thời gắn khẩu hiệu Đạo pháp với dân tộc, tiến công mạnh mẽ chế độ Diệm. Càng bị khủng bố, phong trào càng rộng về quy mô, quyết liệt về tinh thần, phong phú về hình thức. Thực tế, phong trào Phật giáo vào lúc đó là phong trào của các giới đồng bào đô thị thừa hưởng khí thế thắng lợi chung của cách mạng, đấu tranh cho lợi ích chung của các tầng lớp nhân dân đô thị mà trực tiếp nhất là chống chính sách khủng bố của chính quyền Diệm. Mỹ phải "thay ngựa giữa dòng" - giết chết anh em Diệm - Nhu.

Tuy nhiên, một số người kế tiếp Diệm không tỏ ra sẵn sàng thực hiện mọi ý đồ của Mỹ, Mỹ lại phải liên tiếp "thay ngựa giữa dòng". Mỗi lần Mỹ "thay ngựa", phong trào cách mạng miền Nam cả nông thôn và đô thị, cả quân sự và chính trị phát triển cao thêm một mức, Mặt trận Dân tộc giải phóng mở rộng lực lượng thêm một mức. Đến cuối năm 1964, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam kiểm soát dưới các hình thức khác nhau đến 1/3 dân số miền Nam, hình thế "da beo" giữa chính quyền giải phóng và chính quyền Sài Gòn xen kẽ khắp lãnh thổ miền Nam, từ Quảng Trị trở vào. Ủy ban Trung ương Mặt trận thực tế là một chính phủ Trung ương song song tồn tại với chính phủ Sài Gòn.

Trước tình hình đó, Mỹ quyết dốc túi vào canh bạc phiêu lưu: đổ thực binh lên miền Nam Việt Nam, sử

dụng các khí tài chiến tranh tàn phá nhất - trừ bom nguyên tử. Đồng thời, Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Điều có thể Mỹ không ngờ là cuộc chiến tranh trực diện xâm lược cả nước Việt Nam đã gây phần nộ mãnh liệt khắp nước Việt Nam, luôn những người trong hàng ngũ chính quyền và quân đội Sài Gòn còn nghĩ đến đất nước. Đến đây, bộ máy tay sai Thiệu - Kỳ phơi bày tất cả xấu xa, chẳng những bị nhân dân chống đối mà ngay một bộ phận người di cư và theo đạo Thiên Chúa bấy lâu là chỗ dựa của chúng cũng lên án. Cuộc chiến tranh do Mỹ trực tiếp tiến hành ở miền Nam Việt Nam là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất thế giới, tính đến nay. Không thể lợi dụng Liên hợp quốc như trong chiến tranh Triều Tiên - vì các đồng minh quan trọng của Mỹ như Pháp, Anh... ít nhiều hiểu rằng phong trào cách mạng miền Nam là phong trào quần chúng tại chỗ, dù có được miền Bắc hỗ trợ, vẫn chủ yếu là phong trào tại chỗ, qua đại diện duy nhất là Mặt trận Dân tộc giải phóng - Mỹ chỉ lôi kéo được một ít chính phủ cùng tham chiến. Vị trí quốc tế của Mỹ bị cô lập nặng nề. Rất nhiều phong trào gồm nhiều thành phần xã hội khác nhau ở các nước lên tiếng, biểu tình, thiết lập tòa án... kết tội Mỹ và đế cao "lương tri Việt Nam", "Việt Nam, nền tự do cuối cùng". Tại Mỹ, sức chống đối của sinh viên, trí thức, các nhà tu hành dẫn đến cả tự thiêu và vô số cuộc xuống đường đảo lộn đời sống chính trị nước Mỹ. Một số nhân vật Mỹ tiếng tăm khai thác cơ hội này đả kích các tổng thống Mỹ, giành ảnh hưởng chính trị. Binh sĩ Mỹ ngày càng tỏ thái độ "phản chiến". Nước Mỹ bị chia rẽ nghiêm trọng vì chiến tranh Việt Nam.

Trong tình thế đó, cuộc phiêu lưu của Mỹ tại Việt Nam vấp hết thất bại này đến thất bại khác, dù đã thay đổi liên tục chiến lược. Cuộc tập kích Mậu Thân của quân dân miền Nam đẩy Mỹ lún sâu vào bãi lầy và vào "con đường hầm không lối thoát". Mậu Thân, một biến cố lớn, với đặc điểm hình thái chiến tranh nhân dân đã triển khai tận các thành thị, nhất là Sài Gòn. Thắng lợi quan trọng chủ yếu của Mặt trận giải phóng qua Mậu Thân là thắng lợi về chính trị, một cuộc "ném bom" làm vỡ tung các yếu tố chính trị trong sự kiện chiến tranh Việt Nam, mà tiếng vang rung chuyển tận Nhà Trắng. Ý chí xâm lược của Mỹ đã nhụt một phần và sự tìm

kiếm chiến thắng bằng quân sự ngày mỗi vô vọng. Mỹ bắt buộc phải chấp nhận cuộc hòa đàm Paris.

Cách mạng miền Nam phát triển lên một binh độ mới: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.

Tuy nhiên, để được "an thần" khi rút lui, để hỗ trợ cho tay sai đá để giành thế mạnh tại bàn hội nghị, Mỹ chủ trương tiêu hao tối đa lực lượng cách mạng, Mỹ leo thang chiến tranh ở khắp Đông Dương. Nhưng chính sách "thay màu da trên xác chết", "Việt Nam hóa chiến tranh", tuy hết sức thâm hiểm và độc ác, vẫn không xoay nổi tình thế. Đầu năm 1973, Hiệp định Paris được ký kết, Mỹ rút quân khỏi miền Nam.

Thời gian từ đó cho đến ngày 30-4-1975, Mỹ tiếp tục yểm trợ chính trị, tài chính và phương tiện chiến tranh cho Thiệu, Thiệu lỏng lẻo phá hoại Hiệp định Paris, lần chiếm vùng do Chính phủ cách mạng lâm thời kiểm soát, khủng bố phong trào đòi thực hiện Hiệp định Paris ở các đô thị, song một khi Mỹ đã rút, đại cuộc đối với Mỹ và chế độ Sài Gòn coi như đã xong. Sự thất bại hoàn toàn không thể nào tránh khỏi. Ngày 30-4-1975, cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam, của nhân dân Việt Nam giành toàn thắng. Ngày đó cũng là ngày toàn thắng của nhân dân Việt Nam sau 30 năm tiến hành hai cuộc kháng chiến thần thánh. Ngày 30-4-1975 còn đánh dấu cái mốc nhân dân Việt Nam thu hồi trọn vẹn nền độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia sau 115 năm bị xâm lược nô dịch và chia cắt. Thành phố Sài Gòn xứng đáng mang tên vị anh hùng dân tộc hiện đại Hồ Chí Minh bởi nơi đây, năm 1860, đã thay mặt cho cả nước chống chủ nghĩa thực dân phương Tây - bấy giờ biểu trưng bằng các pháo thuyền và súng đồng - và năm 1975 cũng thay mặt cho cả nước chấp nhận sự đầu hàng của chủ nghĩa thực dân phương Tây - bấy giờ biểu trưng bằng máy bay chiến lược B52, hàng không mẫu hạm, pháo tầm xa cực nhanh và bom CBU...

IV. Dưới ngọn cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, cách mạng miền Nam đã vận dụng hết sức sáng tạo bước phát triển của mình. Trung tâm của sức sáng tạo đó là phát huy đến độ cao nhất, rộng nhất tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong mọi tầng lớp nhân dân miền Nam. Chưa

bao giờ lịch sử Việt Nam lại dày đặc gương xả thân vì Tổ quốc, nhiều danh hiệu dũng sĩ, anh hùng đến thế, hầu hết là nam nữ Việt Nam bình thường, xuất thân từ nhiều tầng lớp khác nhau, với nhiều độ tuổi khác nhau, ở những mũi nhọn khác nhau, trên những địa bàn khác nhau, thậm chí ở các đô thị do địch cai trị triển miên như Sài Gòn.

Phải động viên toàn thể lực lượng nhân dân, dù nhỏ nhất, dù gián tiếp nhất, tập trung chống Mỹ. Khẩu hiệu "chống Mỹ cứu nước" phải là khẩu hiệu hành động của đông đảo nhân dân.

Đò là cơ sở lý luận cổ kết các thành phần xã hội trong nhân dân miền Nam và đó cũng là cơ sở của một loạt phương châm chiến lược và phương pháp cách mạng:

1. Biết chuyển thế đấu tranh vào lúc thích hợp. Từ cuối 1954 đến cuối 1957, khẩu hiệu đòi thực hiện Hiệp định Genève với hình thức hòa bình là tất yếu. Bấy giờ, như đồng chí Lê Duẩn đã nói, "ai chủ trương chiến tranh, người đó sẽ bị quần chúng cô lập". Diệm đã chủ trương chiến tranh nên bị cô lập. Song, từ đầu 1958, tình thế đã thay đổi, Hiệp định Genève không còn khả năng được Mỹ Diệm thi hành; trái lại, chính sách khủng bố đã đánh mạnh vào quần chúng. Không thay đổi kịp mục tiêu, khẩu hiệu và hình thức đấu tranh, cách mạng lâm vào tình thế hiểm nghèo. Quần chúng đòi hỏi được tự vệ và sự chậm trễ này dẫn đến những tổn thất cực kỳ nghiêm trọng, nếu chậm trễ hơn, cũng theo đồng chí Lê Duẩn, có thể cách mạng miền Nam bị "xóa sổ" mà muốn gây dựng lại phải tốn rất nhiều năm. Sự chuyển hướng của phong trào từ giữa 1959, tuy muộn phần nào, đã cứu cách mạng miền Nam khỏi thất bại. Cần nhấn mạnh rằng sự kiện cách mạng Cuba lật đổ chế độ độc tài Batista thành Mỹ tại nơi sát nách Mỹ đã cổ vũ cho sự chuyển hướng chiến lược của ta.

2. Coi trọng như nhau cả ba vùng chiến lược - rừng núi, nông thôn, đô thị, khác với tư duy "lấy nông thôn bao vây thành thị". Dưới ách thực dân cũ trong 9 năm kháng chiến, mỗi vùng đều đã có một mức thay đổi nào đó. Dưới ách thực dân mới, sự thay đổi kia còn nhanh hơn. Mỹ và chính quyền miền Nam hủy diệt các vùng rừng núi và nông thôn sâu, lừa dân vào các khu, các thị trấn, thị tứ, ven trục lộ, quanh đồn bốt... để dễ kiểm soát, bóc lột và bắt lính. Nhưng ý đồ đó có ba

hậu quả: một là nơi tập trung mới vì quá đông người không tránh khỏi nảy sinh những vấn đề xã hội, kinh tế thường ngày tạo ra mâu thuẫn từng giờ, từng phút giữa bộ máy cầm quyền với nhân dân từ cái ăn, cái ở, học hành, sản xuất, tệ nạn...; hai là địch tạo điều kiện cho một số người chỉ hiểu Mỹ và chế độ Sài Gòn từ xa, còn khá mơ hồ, nay tận mặt hằng ngày có dịp nhận rõ các tội tề; ba là sống tập trung tạo cơ hội cho dân tiếp xúc với nhau dễ dàng hơn, thông tin nhanh hơn, liên kết đấu tranh tiện hơn. Có thể nói là Mỹ và chính quyền Sài Gòn "mời" cách mạng đến sát mình, tất nhiên không tự nguyện.

3. Kết hợp bốn hình thức đấu tranh: chính trị, vũ trang, binh vận, ngoại giao tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Có lúc hình thức này giữ vai trò chủ yếu, hình thức khác hỗ trợ, song xét về cơ bản, phong trào cách mạng miền Nam là phong trào chính trị theo nghĩa rộng, là cuộc đấu tranh của đông đảo quần chúng. Dù không hoàn toàn giống nhau về sở trường và quy mô, nhân dân trên ba vùng chiến lược đều có thể sử dụng các hình thức đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận, ngoại giao, đều phát huy được mặt mạnh riêng, đều hỗ trợ chặt chẽ cho nhau. Với các hình thức này, mọi người, mọi lứa tuổi, mọi giới dù ở đâu đều có thể đóng góp sức mình cho đất nước. Nó khác với tư duy "chính quyền từ nòng súng mà ra".

4. Kiên trì xây dựng lực lượng và phong trào tiệm tiến đồng thời tạo và chớp mọi thời cơ giành bước phát triển đột biến để tăng cường thế và lực cách mạng, khai thác thời cơ nhỏ và chuẩn bị đón thời cơ bước ngoặt từng giai đoạn và chung cuộc, chủ động tạo thời cơ, khác với tư duy đơn thuần "trường kỳ mai phục".

Thực tiễn của phong trào cách mạng miền Nam từ sau ngày Đồng khởi cho thấy không phải lúc nào phong trào cũng phơi phơi đi lên. Đợt phản kích của Mỹ cuối năm 1968 cho đến ngày họ mở rộng chiến tranh ra khắp Đông Dương, trên hai năm róng, cách mạng Việt Nam đôi lúc tạm thời rơi vào thế thoái trào với những tổn thất nặng nề.

Sau ngày ký Hiệp định Paris, cách mạng miền Nam lại một lần nữa gặp khó khăn - lần này ngắn hơn, chỉ kéo dài lỗi sáu tháng.

Như vậy, cuộc đọ sức luôn ác liệt mà yếu tố quyết định đối với cách mạng là biết tiến công để xây dựng, xây

dựng để tiến công. Nếu hình thức này (quân sự, chẳng hạn) vấp trở ngại, thì hình thức khác (chính trị) nổi lên; nếu nông thôn mất sức, thì thay thế bằng đô thị.

Đó là một quy trình có liên quan đến nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo song chủ yếu do điều kiện khách quan cho phép, mà điều kiện này lại là con đẻ của đường lối chung, tư duy chung hình thành trên cơ sở lịch sử và thực tế Việt Nam.

5. Xem mâu thuẫn nội bộ địch và tích cực khai thác các mâu thuẫn ấy, dù nhỏ dù lớn, là nhiệm vụ chiến lược. Đôi khi mâu thuẫn nội bộ địch hủy hoại địch hơn cả một chiến dịch tiến công quy mô của ta, thậm chí, có những đảo lộn mà không sức mạnh nào của ta trực tiếp gây ra nổi, ví dụ biến cố lật đổ Ngô Đình Diệm. Mâu thuẫn nội bộ địch do giành giật quyền lợi cá nhân, bộ phận, hơn thế, đã hình thành sự chống đối trong giai cấp tư sản giữa thế lực cầm quyền với thế lực bị gạt ra ngoài chính quyền. Nhưng không phải chỉ có mỗi nguyên nhân đó. Cuộc cách mạng dân tộc và sức mạnh của cuộc kháng chiến chống Mỹ là tác động cơ bản vào những người Việt Nam, tuy "thân ở Tào mà lòng ở Hán", không chỉ trong đông đảo binh sĩ, nhân viên chính quyền cấp dưới mà cả trong những người giữ cương vị lớn. Chưa bao giờ cách mạng Việt Nam thành đạt đến mức như thời đánh Mỹ là tranh thủ tổ chức hoặc bố trí được người lên lời vào bộ máy hành chính, quân sự, công an cấp cao, kể cả Phủ Tổng thống và Bộ Tổng tham mưu, Thượng và Hạ nghị viện Sài Gòn...

6. Sử dụng ngoại giao như một mặt trận quan trọng giành sự ủng hộ của dư luận thế giới, đặc biệt liên hệ với phong trào phản chiến ở Mỹ, phong trào Việt kiều yêu nước, cô lập tối đa các thế lực điều hòa, uyển chuyển trong sách lược.

7. Nắm chắc phương châm "đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến tới giành thắng lợi toàn cục". Trong vận dụng phương châm này, nhằm chủ yếu làm Mỹ mất lòng tin về một chiến thắng quân sự ở miền Nam, giảm dần sự dính líu của Mỹ, đưa cho được quân Mỹ về nước trong những điều kiện không tổn thương quá đáng sĩ diện Mỹ.

8. Lấy sức mình làm chính - sức mình trước hết là nhân dân miền Nam với sự chi viện tối đa của đồng bào nửa nước, và từ khi Mỹ mở rộng chiến tranh ra

khắp Việt Nam, cả dân tộc đoàn kết chiến đấu - dựa vào sự hỗ trợ của bè bạn. Song, ngay trong những ngày tháng gian nan, không bao giờ chúng ta nghĩ đến việc nhờ quân tình nguyện nước ngoài, bởi vì chúng ta không muốn mắc món nợ máu, muốn luôn luôn giữ tinh độc lập của mình và luôn luôn tin rằng bản thân dân tộc có thể giải đáp bài toán giải phóng, như cha ông ta từng tự lực giải đáp trong lịch sử.

Thực tiễn 21 năm chống Mỹ đã chứng tỏ tính sáng tạo, linh hoạt và chính xác về chiến lược của lý luận nói trên. Đó là công lao trí tuệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Bác Hồ. Trí tuệ phong phú, đầy thuyết phục dựa vào chủ nghĩa yêu nước truyền thống của nhân dân ta, vào lòng quả cảm chấp nhận mọi hy sinh cho toàn thắng của dân tộc ta, của quân đội cách mạng ta. Nhân dân miền Nam Việt Nam đi tiên phong trong đóng góp lịch sử này.

Có lẽ không một cuộc cách mạng nào trên thế giới hội tụ nhiều nét độc đáo như cuộc cách mạng 21 năm ở miền Nam. Chúng ta nhớ rằng Mỹ là nước hùng mạnh nhất hành tinh về lực lượng vật chất. Xâm lược miền Nam Việt Nam và khuất phục miền Bắc Việt Nam nạo vét đến cùng cạn đầu óc của các Tổng thống Mỹ, bộ tham mưu của họ, các nhà chính trị và tướng lĩnh hàng đầu, các chuyên viên tinh báo đẳng cấp cao. Thế lực tại chỗ của họ cũng là những bộ phận được tuyển chọn, là lực lượng có cơ sở xã hội, là giai cấp biết cầm quyền.

Con đường đi của Mỹ và chính quyền Sài Gòn không rập khuôn theo Pháp - họ chú trọng xây dựng kinh tế, đào tạo trí thức và kỹ thuật, để ra học thuyết này khác. Tóm lại, không phải chúng ta đối phó với kẻ yếu và dốt.

Nhưng, ở đâu mà cuộc chiến tràn ngập như ở miền Nam? Chiến trường không chỉ là rừng núi, đồng bằng, nơi có địa hình tốt. Ở đâu có con người Việt Nam, ở đó có chiến trường. Đô thị là chiến trường, đôi khi súng nổ trên đường phố. Nông thôn đã biểu tình, có cuộc lớn hơn thành phố. Phụ nữ trở nên một lực lượng đấu tranh chủ lực. Dưới tác động sâu sắc của chủ nghĩa yêu nước, khẩu hiệu nào đưa ra mà được quần chúng ủng hộ đều nhanh chóng biến thành hành động chống Mỹ và tay sai, đều mang giá trị cách mạng: đòi tăng vài chục bạc lương, phản đối đuổi thợ, đòi giảm học phí, tố

cáo tế, công an hiếp đáp dân, ăn hối lộ, phân đôi văn hóa đối truy, v.v.. Đám tang Lê Văn Ngọc, một học sinh, gần như quốc tang. Lon Non tàn sát Việt kiều ở Campuchia, lập tức sứ quán Lon Non ở Sài Gòn bị chiếm. Vụ công nhân dệt Vimytex, Vinatexco đấu tranh đòi quyền lợi, chống sa thải đã thành những cuộc bạo động thực sự. Những người trí thức chỉ yêu lẽ phải, trong văn hóa dân tộc... đã đứng trong đội ngũ xung kích. Sinh viên, học sinh là ngôi pháo nổ giòn và dai. Tòa án, nhà tù, chuồng cọp cũng là chiến trường, thậm chí, Nguyễn Văn Trỗi biến pháp trường thành chiến trường.

Phong trào quy tụ thật đa dạng: báo chí, kịch, nhạc, sân khấu, tất cả công khai. Trường học luôn sôi sục. Trại lính, quân đội địch không phải một mực làm công cụ chống cách mạng, kể cả một số sĩ quan cấp tướng. Thật thú vị khi tại nghị viện Sài Gòn, hình thành nhóm đối lập mà một số yêu sách quan trọng của họ phù hợp với chương trình của Mặt trận. Phong trào càng về sau càng lôi cuốn đông đảo người di cư. Chính cuộc cách mạng lần này đăng quang Phật giáo và cũng chính cuộc cách mạng lần này "rửa mặt" cho giáo hội Thiên Chúa - một bộ phận tín đồ trí thức, linh mục đạo Thiên Chúa sát cánh với các giới đồng bào.

Cuộc cách mạng nào liên kết đồng bào Kinh, Thượng, Khmer, Chăm, Hoa trong một trận tuyến? Cách mạng miền Nam thật thần kỳ. Nó giúp cho một tiến sĩ người Việt Nam tốt nghiệp ở Mỹ thành bức tượng Nguyễn Thái Bình.

Cuộc cách mạng nào mà đến nhà bác học Anh Bertrand Russell, nhà triết học Pháp J.P. Sartre, nữ nghệ sĩ Mỹ J. Fonda dứt khoát bảo vệ, mà một dân thường Mỹ là Morisson tự thiêu để bày tỏ sự ủng hộ, mà sinh viên Mỹ xuống đường?

Không sao nói cho hết!

Ngày 30-4-1975 hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Riêng ngày ấy sẽ mãi mãi đi vào sử như một hiện tượng Việt Nam, Sài Gòn là thủ đô của chính quyền miền Nam, là nơi Mỹ đặt bộ máy chỉ huy chính trị và quân sự cho toàn cuộc chiến tranh, là thành phố lớn nhất nước, vào giờ chót dồn về đây một quân số không nhỏ, còn đầy đủ vũ khí. Thế mà Sài Gòn được giải phóng ít đổ máu, tất cả hầu như còn nguyên vẹn. Tất nhiên, đây là kết quả của toàn bộ

diễn biến của cách mạng, do nhân dân ta, do Quân Giải phóng. Song, không thể không nhấn mạnh rằng ý thức dân tộc trong một số người đứng đầu chính phủ Sài Gòn chợt bùng lên vào thời điểm đó - đặc biệt ông Dương Văn Minh - đã cống hiến đáng trân trọng cho một kết thúc rất Việt Nam, đầy đặc thù Việt Nam.

Thắng lợi 30-4-1975 một lần nữa cho thấy hàng ngàn tỷ đôla Mỹ, hàng trăm triệu tấn bom đạn, hàng núi sách vở lừa mị, ru ngủ, đầu độc không áp đảo nổi truyền thống yêu nước, tinh thần dân tộc Việt Nam. Chắc chắn Mỹ đã không tính hết mặt ý chí này, không đo lường hết tác động của cuộc Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp, không thấy mối gắn bó gia tộc, gia đình Việt Nam - mà không một gia phong trào yêu nước, ngay trong nhà một số tướng lĩnh, bộ trưởng Sài Gòn... Kỹ thuật hiện đại, máy tính hiện đại đành chịu thua nền văn minh Việt Nam lâu đời, khỏe khoắn, một nền văn minh khó dùng chia khóa thông thường mà giải mã nổi!

Không phải Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngay vào những ngày đầu chống Mỹ - Diệm, song Mặt trận lại giữ vai trò tiêu biểu sáng chói cả quá trình chống Mỹ, thừa kế xứng đáng Mặt trận Việt Minh và cuộc kháng chiến chống Pháp. Chúng ta đều biết thực tế miền Nam sau Hiệp định Genève không giống thực tế trước đó. Xã hội đã phân hóa với nhiều nét mới. Nếu dưới chế độ thực dân Pháp, giai cấp tư sản bản xứ chưa định hình với tư cách giai cấp, thì dưới chế độ thực dân Mỹ, giai cấp tư sản mại bản đã xuất hiện, lớn lên, lần lần chi phối nền chính trị - kinh tế - xã hội miền Nam, dựa vào quân đội, có đội ngũ trí thức đại biểu cho lợi ích giai cấp, với cả học thuyết làm hệ tư tưởng và nhất là đang lần lần trở thành giai cấp tư sản mại bản quan liêu quân phiệt. Trong điều kiện như thế, trách nhiệm của Mặt trận Dân tộc giải phóng hết sức nặng nề. Cuối cùng, dân tộc ta đã thắng bởi vì Mặt trận cố gắng tìm ra mẫu số chung giữa những người Việt Nam với nhau. Thắng lợi lần này dĩ nhiên đạt chất lượng rất cao.

Sau khi nước nhà thống nhất, Mặt trận cùng các đồng minh của mình như Liên minh các Lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình, như các đoàn thể giải phóng,

như Quân Giải phóng, như Chính phủ Cách mạng lâm thời, đã hoàn thành nhiệm vụ do dân tộc trao cho, hòa chung vào dòng thác dân tộc tiến đến những chinh phục mới.

Bất kể như thế nào, Mặt trận Dân tộc giải phóng không dừng ngang ý nghĩa giai đoạn. Những gì Mặt trận thực hiện đều khắc sâu vào lịch sử dân tộc, đồng thời đều trực tiếp gợi sáng tạo cho sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam Hòa bình, Thống nhất, Độc lập, Dân chủ và Giàu mạnh.

Mặt trận theo nghĩa phổ thông, là liên minh giữa các lực lượng xã hội trong một chương trình tối thiểu. Song, với nội dung vì dân tộc, Mặt trận lại thể hiện mối liên minh trong một chương trình tối đa.

Hồn dân tộc luôn cột chặt mỗi người Việt Nam với nhau, dù quá khứ ra sao, hoàn cảnh hiện tại như thế nào, sinh sống ở đâu, tin vào cái gì và không tin vào cái gì... Mối quan hệ đồng bào ấy chỉ có thể được xử lý êm đẹp bằng tấm lòng, cái rất khó chứng minh bằng tư biện trừu tượng, bằng toán học lại bằng bạc, man mác, rung động mọi con người Việt Nam.

Tấm lòng là cửa quý của dân tộc, môn gia bảo từ nghìn xưa của Việt Nam.

Giành nước, dựng nước, giữ nước nằm trong một thể thống nhất. Mặt trận Dân tộc giải phóng đã làm được chuyện phi thường đánh bại Mỹ cũng theo gương tiến nhân - dân tộc Việt Nam duy nhất trong Bách Việt không bị Hán hóa mấy nghìn năm trước; không bị Pháp và Mỹ hòa thời nay. Rồi đây, Việt Nam cất cánh - chúng ta nắm trong tay các điều kiện cho cuộc vùng vẫy mới - sẽ khắc họa một bức tranh trung thực về đất nước này, con người này, nhìn từ lăng kính hình khối hay đặc tả. Không có biểu lộ sự biết ơn nào của người đang sống với quá khứ cao đẹp hơn là tái tạo cuộc chiến đấu trước đây trong cuộc chiến đấu trước mắt. Mục tiêu, hình thức chiến đấu nhất định khác song tinh thần chiến đấu vẫn là một: một quốc gia, một dân tộc, một nguyện vọng.

*Chung một bóng cờ chính là, như Bác Hồ dạy:*

*"Dân ta nên nhớ chữ ĐỒNG*

*ĐỒNG TÌNH, ĐỒNG SỨC, ĐỒNG LÒNG, ĐỒNG MINH..."*

1. Tài liệu này lúc đầu có tựa đề: "Đường lối cách mạng miền Nam".